

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP NƯƠNG RẦY Ở MỘT SỐ TỘC NGƯỜI VÙNG CAO BIÊN GIỚI TÂY BẮC VIỆT NAM

ĐOÀN ĐÌNH THI *

Miền núi Việt Nam chiếm 2/3 diện tích cả nước, là nơi sinh sống chủ yếu của các tộc người anh em, ngoài canh tác lúa nước, đồng bào còn canh tác nương rẫy. Đặc biệt ở những vùng rẻo cao, nơi khan hiếm nguồn nước, nương rẫy là nguồn sinh kế chủ yếu của đồng bào. Canh tác nương rẫy là hình thức canh tác còn lệ thuộc nhiều vào thiên nhiên, năng suất thấp, đời sống người dân còn nhiều khó khăn, ít có cơ hội tiếp cận khoa học công nghệ và những tiến bộ xã hội. Mặt khác canh tác nương rẫy có tác động tiêu cực xấu đến môi trường nhất là rừng và bảo vệ đất. Do vậy, phát triển bền vững loại hình canh tác nương rẫy là cấp thiết đối với những nông hộ miền núi Việt Nam trong đó có vùng cao biên giới Tây Bắc.

Đồng bào các dân tộc miền núi nói chung, vùng cao biên giới Tây Bắc nói riêng có truyền thống lao động rất cần cù, giàu sáng tạo, từng bước cải tạo thiên nhiên, xây dựng hệ sinh thái nông nghiệp đa dạng, thích ứng với môi trường sống. Những truyền thống và kinh nghiệm quý báu đó cần được tôn trọng và phát huy trong quá trình phát triển. Trong hệ thống canh tác hiện nay của đồng bào các dân tộc vùng cao biên giới Tây Bắc còn phổ biến loại hình canh tác nương rẫy, đây là loại hình sản xuất kém bền vững, do vậy cần chuyển đổi loại hình canh tác nương rẫy truyền thống sang các loại hình canh tác bền vững trên cơ sở cải tạo, khoa học hoá các tầng canh tác truyền thống, đa dạng vốn có tại các địa phương, từng bước tiến tới hiện đại hoá nông nghiệp vùng cao.

* TS. Viện Dân tộc học

Những nội dung cơ bản phát triển nông nghiệp nương rẫy theo hướng bền vững:

1. Chuyển đổi các loại hình canh tác nương rẫy kém bền vững sang các loại hình canh tác bền vững.

1.1. Các địa phương cần xác định, thống kê thực trạng các loại canh tác nương rẫy, xây dựng kế hoạch cụ thể nhằm chuyển đổi, cải tạo lại các loại hình canh tác nương rẫy kém bền vững sang loại hình canh tác bền vững.

Những loại hình canh tác kém bền vững gồm:

- Nương rẫy du canh
- Nương rẫy luân canh
- Nương cố định (nương cố định ở vùng dân tộc H'mông, Dao; nương cuốc ở dân tộc Hà Nhì).

Những loại hình canh tác, sản xuất bền vững gồm:

- Ruộng lúa nước
- Ruộng bậc thang
- Vườn rừng với các loại cây ăn quả lâu năm, cây đặc sản địa phương, cây dược liệu.
- Các loại rừng: rừng sản xuất, rừng trồng các loại cây cho lương thực, hàng hoá, rừng cây công nghiệp dài ngày, rừng tái sinh.

1.2. Phương hướng chuyển đổi

- *Chuyển đổi từ nương rẫy cố định sang ruộng bậc thang.* Hình thức ruộng bậc thang là kinh nghiệm sử dụng đất sáng tạo, đã xuất hiện khá phổ biến ở các dân tộc nước ta cũng như một số dân tộc trong khu vực Đông Nam Á. Ruộng bậc thang thường sử dụng canh tác lúa nước một hoặc hai vụ/năm. Loại hình ruộng này mang tính bền vững cho phép thâm canh tăng năng suất cây trồng. Những diện tích nương canh tác hàng năm như: nương cố định ở dân tộc Dao, Khơ mú, H'mông; nương cuốc ở dân tộc Hà Nhì, thường có độ dốc không cao, cần tập trung lao động, công sức chuyển đổi sang ruộng bậc thang để trồng lúa nước hoặc cây màu. Xưa nay cải tạo nương rẫy thành ruộng bậc thang thường chỉ nhằm mục đích phát triển lúa nước, do vậy nhiều nơi khan hiếm nước đồng bào vẫn canh tác nương rẫy mà chưa cải tạo thành ruộng bậc thang. Nay cần phải thay đổi quan niệm đó, phát triển ruộng bậc thang ngay cả những địa điểm không thuận lợi nguồn nước để phát triển các loại cây trồng có yêu cầu ẩm độ không cao, các loại cây hoa màu để phát triển nông sản hàng hóa phi lúa nước. Như vậy ruộng bậc thang cần phát triển, sử dụng nhiều cách khác nhau: 2 vụ lúa/ năm; 1 vụ lúa, 1 vụ màu/ năm; 2 vụ màu/ năm.

- *Cải tạo, nâng cấp các loại nương rẫy luân canh.*

Luân canh là một trong những kiểu canh tác nương rẫy truyền thống. Sau một thời gian canh tác, đất kiệt màu thể hiện ra bằng năng suất cây trồng thấp, đồng bào chuyển sang canh tác trên một diện tích khác trong khi rừng tái sinh trên nương cũ, sau khoảng trên dưới 10 năm, người ta trở lại trồng trọt trên mảnh nương cũ. Với kiểu canh tác này, đồng bào thường có từ 3 đến 5 mảnh nương khác nhau. Trung bình mỗi mảnh nương canh tác được 2 - 3 vụ lúa thì chuyển sang canh tác nương mới. Nhằm kéo dài thời gian canh tác trên một mảnh nương, đồng bào đã có kinh nghiệm chuyển đổi cây trồng trên nương như: sau 2, 3 năm trồng lúa, tiếp đến 2 năm trồng ngô rồi đến trồng 1, 2 vụ sắn sau đó mới chuyển nơi canh tác. Hình thức khác là xen canh 1 số loại cây trồng như rau, đậu trên nương.

Canh tác kiểu luân canh đều dựa trên điều kiện đất rừng rộng rãi để phát triển. Ngày nay, khi đất rừng đã có chủ, quảng canh không còn điều kiện phát triển, do vậy vòng quay luân canh ngắn dần, thời gian canh tác trên nương buộc phải dài hơn. Điều ấy dẫn tới đất kiệt màu trầm trọng, cây rừng khó hồi sinh, đất canh tác biến thành “đất chết”, thiếu đất canh tác xảy ra, người dân buộc phải tìm đất sản xuất mới. Ứng phó với tình trạng trên, nương rẫy luân canh cần được cải tạo, nâng cấp.

Những diện tích nương rẫy luân canh có độ dốc cao, trước mắt nhằm đáp ứng nhu cầu lương thực cần cải tạo, chuyển đổi theo hướng sau:

+ Nâng cấp nương rẫy luân canh thành nương có bờ với công trình chống silt mòn.

Nâng cấp nương rẫy thành nương có bờ, có công trình thủy lợi chống silt mòn là kinh nghiệm của dân tộc Hà Nhì và được áp dụng khá phổ biến trong nhiều dân tộc ở huyện Mường Tè. Đồng bào chia nương ra nhiều mảnh nhỏ hơn, đắp các bờ đất bao quanh, xẻ rãnh thoát nước dọc theo hai bên sườn dốc của nương chống xói mòn đất. Kỹ thuật trồng cây theo đường đồng mức trên nương xét về hiệu quả cũng giống như đắp bờ, chia nương ra nhiều mảnh nhỏ mà dân tộc Hà Nhì đã từng sử dụng. Mục đích là hạn chế dòng chảy trên mặt nương chống xói mòn, kéo dài thời gian canh tác trên nương rẫy.

Hình dáng của nương rẫy cũng cần được cải tạo lại. Dựa vào kinh nghiệm của tộc người H'mông là: rừng trên, nương dưới; phát huy kinh nghiệm của tộc người Hà Nhì kể trên cần áp dụng theo mô hình cải tiến sau đây: Nương rẫy có hình chóp nón, nhỏ trên, rộng dưới, làm hai rãnh thoát nước hai bên sườn nương. Chấm dứt tình trạng làm nương trên tận đỉnh núi, đồi. Trồng rừng phía trên nương rẫy, tạo ra rừng phòng hộ giữ nước trực tiếp cho nương rẫy. Đây là loại hình nương rẫy cải tiến gần giống với loại hình ruộng bậc thang. Trước mắt cần tích cực chuyển đổi loại hình nương rẫy, vừa đẩy mạnh trồng cây gây rừng ở phần đất phía trên nương rẫy. Xây dựng cơ cấu cây trồng phù hợp, từng bước

thay thế cây lương thực sang các loại cây trồng dài ngày khác trước khi chuyển hẳn sang vườn rừng và rừng.

+ Bước nâng cấp thứ 2 của canh tác nương rẫy luân canh này là bỏ hẳn cây lương thực chuyển sang các loại sản xuất bền vững khác như: vườn rừng, trồng cây ăn quả lâu năm, cây đặc sản địa phương, cây công nghiệp, phát triển các loại rừng nhiều tầng mang lại lợi ích thiết thực cho người dân, thâm canh các loại cây dược liệu, cây cho sản phẩm hàng hoá dưới tán rừng (rừng Dẻ, thảo quả, dược liệu...). Ở những vùng có điều kiện đảm bảo an ninh lương thực thì đối với loại nương luân canh cần chuyển sớm sang loại hình sản xuất bền vững thứ hai này. Nhà nước cần tạo điều kiện hướng dẫn, cung cấp các loại giống cây trồng và có chính sách bao tiêu sản phẩm trong giai đoạn đầu nhằm khuyến khích, phát triển loại hình canh tác trên nương cải tiến.

Đối với loại nương rẫy du canh.

- Canh tác theo kiểu chặt, phát, đốt cây rừng, canh tác một vài vụ rồi bỏ hẳn.
- Cần nghiêm cấm các loại canh tác này để bảo vệ rừng, bảo vệ đất.
- Nhà nước cần nghiên cứu nâng hỗ trợ cho người dân trong chuyển đổi từ nương rẫy thành ruộng bậc thang, chuyển đổi từ nương rẫy luân canh sang nương rẫy cải tiến, nâng cấp, hướng dẫn, tạo nguồn giống cây trồng phát triển các loại rừng sản xuất, thiết thực phục vụ đời sống người dân, chính quyền địa phương cần sớm nghiệm thu những diện tích đất đã hoàn thành chuyển đổi, nâng cấp và làm thủ tục hành chính về quyền sử dụng đất cho chủ hộ.

2. Phát triển lực lượng sản xuất trên cơ sở kết hợp khoa học công nghệ với những kinh nghiệm, truyền thống tốt đẹp của địa phương, tộc người, từng bước đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp.

Lực lượng sản xuất ở đây chủ yếu là: các hình thức sản xuất nông nghiệp trong đó đất đai là tư liệu sản xuất quan trọng nhất; công cụ sản xuất bao gồm các loại công cụ như cày, bừa, cuốc, máy móc, công cụ bảo quản, chế biến sản phẩm; trình độ, năng lực người dân và những kinh nghiệm sản xuất, hệ thống giống và kỹ thuật chăm sóc cây trồng đã tích lũy được.

- *Phát triển công cụ sản xuất phù hợp, tiên tiến, từng bước hiện đại hóa nông nghiệp vùng cao biên giới Tây Bắc.*

Cùng với tích cực chuyển đổi loại hình sản xuất, cần ra sức cải tiến nông cụ, đưa những công cụ sản xuất mới vào đời sống người dân nhằm tác động tích cực, hiệu quả vào thiên nhiên, giảm sức lao động chân tay. Công cụ sản xuất có tầm quan trọng đặc biệt trong lực lượng sản xuất. Có đổi mới, phát triển công cụ sản xuất tiên tiến mới có năng suất cao, đồng thời nâng cao nhận thức về khoa học công nghệ, đảm bảo thành công cho sự phát triển bền vững.

Với những công cụ sản xuất nghèo và thô sơ trong truyền thống và đại đa số vùng sâu, vùng xa đang sử dụng hiện nay, khả năng cải tạo thiên nhiên còn thấp, năng suất lao động không cao do vậy cần tăng cường nghiên cứu, đầu tư, chế tạo các loại công cụ sản xuất tiên tiến, phù hợp với điều kiện địa phương, các loại máy móc vừa và nhỏ, từng bước nâng cao phù hợp với trình độ người dân. Trước mắt cần phát triển khoa học ứng dụng nhằm phục vụ các mục đích sau:

- Sản xuất các loại nông cụ làm đất cầm tay có khả năng vận chuyển gọn nhẹ, giản đơn phù hợp trình độ sử dụng của người dân.

- Tăng cường các máy móc phục vụ thu hoạch, chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp tại chỗ trong các thôn bản, gia đình nhằm giải phóng từng bước lao động cơ bắp giảm ngày công, tăng năng suất lao động, từng bước hiện đại hóa nông nghiệp vùng cao.

- *Phát triển thủy lợi:*

- a. Mở rộng, kiên cố hóa, sử dụng hợp lý các nguồn nước đang sử dụng tại địa phương tạo điều kiện tưới tiêu khoa học cho những diện tích canh tác lúa nước.

- b. Xây dựng khai thác những nguồn nước mới, thiết kế các công trình thủy lợi liên xã, liên khu vực với kỹ thuật và vật liệu mới nhằm đảm bảo đủ nước tưới cho những diện tích tăng vụ, những diện tích mới chuyển đổi sang canh tác lúa nước, thu hẹp diện tích ruộng chờ mưa, phát triển lúa chiêm xuân nhằm đảm bảo an ninh lương thực của địa phương.

- c. Xây dựng các công trình hồ chứa nước, kết hợp thủy điện nhỏ với công tác thủy lợi. Giải quyết tốt vấn đề tưới tiêu khoa học trong các hộ dân có cùng chung một nguồn nước. Giải quyết vấn đề nguồn nước hiện đang là sở hữu của một hộ hoặc một dòng họ với giải pháp: tôn trọng tập quán địa phương, sử dụng tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục là chính nhằm đoàn kết dân tộc, đoàn kết cộng đồng cùng bảo vệ, phát triển nguồn nước bảo đảm sản xuất.

- *Thực hiện chuyển đổi cây trồng phù hợp, đảm bảo giống cây trồng năng suất cao, đa dạng hóa nông nghiệp.*

Phát triển các loại giống cây trồng có năng suất cao, tăng sức chịu hạn, chịu sâu bệnh, chuyển đổi cây trồng hợp lý, đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp:

- a. Sắp xếp, bố trí lại cây trồng trên nương rẫy đã được nâng cấp, cải tiến từ cây lương thực sang các loại cây trồng nông sản hàng hóa, xuất khẩu có chất lượng cao, tạo cơ sở nâng cao trao đổi, phát triển kinh tế thị trường khu vực. Đối với nông sản hàng hóa phục vụ địa phương cần bố trí một diện tích thỏa đáng để phát triển cây trồng phục vụ chăn nuôi đại gia súc theo phương thức hiện đại, thực hiện phân công lao động giữ vững trồng trọt và chăn nuôi tại địa phương.

- b. Bên cạnh sử dụng các bộ giống truyền thống, cần đẩy mạnh sự phối hợp đặt hàng với các cơ quan, các viện nghiên cứu trung ương để lai tạo các giống

phù hợp với thổ nhưỡng, khí hậu địa phương, chủ động trong giống cây trồng. Trong những năm qua, nhờ có giống mới (chủ yếu là lúa, ngô, đỗ tương) sản phẩm nông nghiệp đã đạt năng suất cao, giúp các địa phương chủ động lương thực. Lựa chọn lai tạo và nhân rộng các giống lúa đặc sản ở các địa phương góp phần làm phong phú các loại giống cây trồng. Bên cạnh lúa còn phát triển các loại cây hoa màu như ngô, đỗ, lạc, vừng, khoai, sắn, phát triển các cây dược liệu, cây đặc sản tạo sản phẩm hàng hóa. Đẩy nhanh, vững chắc công tác chuyển giao công nghệ, công nghệ sinh học cho các địa phương.

- Đẩy mạnh công tác khuyến nông, phát triển thâm canh tăng năng suất cây trồng.

Các địa phương đã và đang thực hiện tốt công tác khuyến nông, chuyển giao khoa học công nghệ từ nhiều nguồn đã đem lại hiệu quả trong sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân, cần được phát huy hơn nữa cả về số lượng và chất lượng. Công tác khuyến nông cần đẩy mạnh cung ứng dịch vụ tốt hơn về giống mới chất lượng cao, đa dạng hóa giống cây trồng và các nguồn phân bón. Kết hợp giữa phân hóa học với phân hữu cơ, phân vi sinh và các sản phẩm mới từ các trung tâm nghiên cứu cây trồng, các trường đại học, viện, trung tâm nghiên cứu chuyên ngành. Kết hợp giữa bón phân hợp lý với loại cây trồng có tác dụng cải tạo đất. Xây dựng quy trình sử dụng khoa học cho từng loại đất, với những cây trồng phù hợp nhằm tăng hiệu quả trên một đơn vị sản xuất. Phát triển các cây vụ đông, khắc phục tình trạng bỏ hóa đất vụ đông khá phổ biến ở vùng miền núi.

Khi nương rẫy đã được chuyển đổi sang loại hình canh tác mới, cần hướng dẫn đồng bào sử dụng phân bón hợp lý giữa phân hữu cơ và vô cơ để cải tạo đất đồng thời tăng năng suất cây trồng. Các cơ sở nghiên cứu về nông nghiệp, các nhà doanh nghiệp cần được động viên, ưu tiên trong dịch vụ sản xuất này. Những kinh nghiệm truyền thống của các địa phương về tạo nguồn phân bón hữu cơ cần được tổng kết, sử dụng. Các loại cây họ đậu có khả năng cải tạo đất cần được sử dụng hợp lý. Đến nay đã có những loại phân “tiêu chậm” được sản xuất nhưng chưa được sử dụng rộng rãi trong các địa phương. Các nhà khoa học cần phát triển và phổ biến rộng các loại phân bón thích hợp với đất đai và cây trồng của vùng cao. Những sản phẩm này cần được biểu dương và đăng ký sở hữu trí tuệ, gắn nghiên cứu với thực hành.

3. Đối với các địa phương cấp xã, cần xây dựng những nhóm, tổ khoa học công nghệ của cộng đồng nhằm xây dựng những lực lượng xung kích trong khoa học công nghệ tại cộng đồng để tiếp nhận, ứng dụng và phổ biến khoa học công nghệ cho cộng đồng. Nhiều địa phương trước đây đã có hợp tác xã nay đã giải thể. Trong khi đó hợp tác xã ở nhiều địa phương đã kịp thời đổi mới, đến nay hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong sản xuất như: tổ chức sản xuất, dịch vụ nông nghiệp... Hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới này đã phát huy tác dụng tốt trong giai đoạn hiện nay (ví dụ xã Quang Kim một điểm sáng trong phát triển kinh tế xã hội thuộc huyện Bát Xát tỉnh Lào Cai). Ở

những địa phương không tái lập trở lại hợp tác xã đã thiếu hẳn một cơ sở dịch vụ nông nghiệp của cộng đồng. Chính quyền địa phương cũng không thể thay thế vị trí này. Do vậy cần lập ra những tổ chức sản xuất có thể đó là nhóm, tổ khoa học công nghệ cộng đồng bao gồm những cá nhân, hộ nông dân tích cực nhằm tiếp nhận, thí điểm, truyền bá và làm dịch vụ về phát triển nông nghiệp trong cộng đồng.

4. Quy hoạch, quản lý tốt dân cư, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa tộc người.

Căn cứ vào đặc điểm địa phương, tộc người để tái định cư hợp lý những hộ cá thể sống lẻ tẻ, nhất là dân cư sinh sống theo nương rẫy. Lựa chọn môi trường cư trú, số lượng, dân cư phù hợp về đặc điểm tâm lý tộc người để lập ra khu dân cư mới, tăng cường đoàn kết dân tộc, tạo điều kiện phát triển văn hóa xã hội tộc người, từng bước đưa văn hóa tộc người từ các hộ gia đình thành sinh hoạt văn hóa cộng đồng, ví dụ: ngày hội lễ cơm mới, lễ cúng bản mường, lễ cấp sắc, từng bước xây dựng văn hoá chung của cộng đồng, khu vực.

5. Nghiêm chỉnh chấp hành Luật pháp của Nhà nước về đất đai, bảo vệ rừng và môi trường.

Cấm đốt rừng làm rẫy, đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, thực hiện di dân có kế hoạch, hạn chế đi đến xóa bỏ di dân tự do. Tận dụng Nhà nước cần có chính sách cho vay ưu đãi đối với các hộ đang còn canh tác nương rẫy, những hộ gặp rủi ro do thiên tai gây nên nhằm phục hồi sản xuất, ổn định đời sống. Thực hiện giảm sinh, sinh đẻ có kế hoạch. Các nhà quản lý cần sử dụng hợp lý, bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, tiết kiệm đất nông nghiệp, tăng cường quay vòng sản xuất trên một diện tích đất đai, chống hoang hóa, tăng cường bảo vệ và phát triển rừng.

6. Quản lý và sử dụng hợp lý các loại đất sản xuất.

Cho đến nay, nhiều địa phương đã thực hiện tốt công tác quản lý đất sản xuất, nhất là đất nông nghiệp. Song, còn nhiều bất cập do xâm canh, đất nương rẫy bị quy hoạch phát triển cây công nghiệp, nhiều địa phương chưa hoàn thành giao đất, giao rừng, đất còn hoang hóa nhiều vào vụ đông. Sử dụng tiết kiệm đất nông nghiệp theo hướng: tăng độ quay vòng sản xuất, tăng diện tích sản xuất vụ đông, chống hoang hóa, tăng năng suất cây trồng là những biện pháp rẻ hơn khai hoang mới. Muốn vậy cần phải đẩy mạnh thâm canh, sử dụng khoa học về phân bón, thủy lợi và giống cây trồng đối với tất cả các địa phương. Có thể nghiên cứu, đề xuất những giải pháp điều chỉnh, phân phối lại một phần ruộng đất sau mỗi khoảng thời gian nhất định nhằm khắc phục những bất hợp lý do thời gian và sự phát triển tạo nên. Điều chỉnh sản xuất nhằm tạo ra phân công lao động mới giữa chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản phù hợp với địa phương. Đẩy mạnh năng suất lúa nước trồng cỏ cung cấp thức ăn chăn nuôi đại

gia súc trên nương rẫy tạo sản phẩm hàng hóa trong địa phương là một hướng quan trọng để giảm áp lực cây lương thực trên nương rẫy, phát triển cây hàng hóa nhằm thúc đẩy thị trường địa phương phát triển tạo cơ sở phân công lao động mới.

Các giải pháp thực hiện.

1. Nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường sống trong đó chủ yếu là bảo vệ đất, chống sói mòn, bảo vệ và phát triển rừng nhằm ổn định sản xuất và phát triển lâu dài.

Rừng có tầm quan trọng đặc biệt chẳng những đối với đời sống nhân dân tại địa phương mà còn tác động đến cả vùng miền núi, trung du và đồng bằng. Rừng duy trì nguồn nước, bảo vệ đất, điều hòa khí hậu. Bảo vệ rừng là bảo vệ nguồn sống lâu dài...

Canh tác nương rẫy có tác động tiêu cực đến môi trường, đốt nương làm rẫy là làm mất đi độ che phủ an toàn mặt đất, gây sói mòn, làm mất độ màu của đất, từ đó năng suất cây trồng thấp kém, rừng cây khó phục hồi, môi trường sống từng bước bị thu hẹp. Đốt nương làm rẫy ảnh hưởng tới diện tích rừng, gây ra cháy rừng. Môi trường sống không ổn định khi mất rừng, lũ lụt vào mùa mưa, khô hạn vào mùa đông, cuộc sống bị đe dọa. Canh tác nương rẫy đi liền với phân tán dân cư, nạn thiếu đất thường xuyên xảy ra dẫn đến di dân tự do gây mất ổn định xã hội, đời sống ngày càng thấp kém. Do vậy chuyển đổi, nâng cao loại hình canh tác nương rẫy, bảo vệ rừng, bảo vệ đất, phát triển khoa học công nghệ kết hợp với kinh nghiệm tốt của địa phương, tộc người là cách tạo dựng nguồn sống lâu dài, nâng cao đời sống người dân.

2. Xây dựng chiến lược phát triển khoa học công nghệ vùng miền núi, dân tộc.

a. Nhà nước cần xây dựng một chiến lược phát triển kinh tế vùng cao nói chung, nông nghiệp nói riêng để các địa phương có cơ sở xây dựng những kế hoạch phát triển cụ thể phối hợp giữa tổng thể với mỗi địa phương.

b. Nhà nước cần có chính sách khuyến khích các nhà khoa học, các nhà doanh nghiệp hướng về phát triển các khoa học ứng dụng nhằm phát triển nông nghiệp vùng cao (công cụ sản xuất, thủy lợi, giống cây trồng, phân bón, nông cụ thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản)

c. Động viên và ưu tiên các nhà doanh nghiệp đặt hàng bao tiêu sản phẩm cho miền núi theo định hướng phát triển của Nhà nước và cung ứng các dịch vụ nông sản hàng công nghiệp, thông tin kinh tế, kỹ thuật cho vùng cao. Gắn thị trường cả nước với thị trường miền núi, dân tộc.

d. Nhà nước cần phối hợp với các địa phương (tỉnh) xây dựng các trung tâm nghiên cứu khoa học về phát triển bền vững miền núi nói chung, nông nghiệp

bền vững nói riêng tại một số địa phương miền núi. Khuyến khích, ưu đãi, tạo điều kiện cho các nhà khoa học chuyên ngành công tác tại các cơ sở này.

e. Cần nhận thức đặc điểm sự phát triển không đồng đều giữa các vùng, các dân tộc, thậm chí trong mỗi dân tộc sinh sống ở những môi trường khác nhau cũng có những mức độ phát triển khác nhau. Do vậy khi vận động cũng như thực hiện các chính sách cần phải căn cứ vào những điều kiện cụ thể, dân tộc và vùng cụ thể để thực hiện cho phù hợp với tình hình địa phương.

3. Đầu tư khoa học công nghệ kết hợp với kinh nghiệm truyền thống tộc người.

Kinh nghiệm đưa khoa học công nghệ mới vào miền núi 20 năm qua đã chứng tỏ phương pháp tuyên truyền, vận động đưa khoa học công nghệ vào miền núi phải từ thấp đến cao, từ dễ đến khó, từ làm thí điểm đến phát triển đại trà, từ cán bộ đến người dân, kết hợp khoa học công nghệ với kinh nghiệm truyền thống tích cực của địa phương.

4. Tổ chức dân cư trên cơ sở tổ chức lại sản xuất.

Đặc điểm của cư dân canh tác nương rẫy là tập trung ít, phân tán nhiều, ít có cơ hội tiếp cận với các tiến bộ xã hội như y tế, giáo dục, thông tin khoa học công nghệ. Đời sống dựa vào nương rẫy nên gặp nhiều khó khăn, bản sắc dân tộc cũng vì thế dễ bị mai một. Trong khi đó những mê tín lại phát triển và dễ bị kẻ xấu lợi dụng. Các địa phương cần phối hợp giữa các chương trình, dự án của Nhà nước để tổ chức lại dân cư những nơi cần thiết nhằm xây dựng khu dân cư mới trên cơ sở dân chủ, kết hợp truyền thống tộc người với những yêu cầu bản làng văn hóa, văn minh bảo đảm ổn định xã hội, bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa tộc người. Ổn định sản xuất, tăng năng suất cây trồng, phát triển cơ sở hạ tầng, đó là cơ sở để tổ chức lại dân cư theo hướng tập trung thành các thôn bản văn hóa văn minh. Ngoài ý nghĩa trên, tổ chức lại dân cư sẽ mang lại hiệu quả cao trong công tác quản lý và giữ gìn trật tự an ninh xã hội, góp phần ổn định an ninh biên giới.

5. Xây dựng định hướng chiến lược đầu tư phát triển của nông hộ.

Vấn đề này đã được Nghị quyết 22 Bộ Chính trị đề cập từ năm 1989, đến nay, trên thực tế nhiều vùng đã khá phát triển, cần chuyển đổi từ trợ giá trực tiếp “đầu vào” sang trợ giá “đầu ra” nhằm xây dựng tư duy kinh tế, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, chống sự trông chờ, ỷ lại, giúp cho đồng bào các dân tộc vượt qua nền kinh tế tự cung, tự cấp, sản xuất những mặt hàng phù hợp theo định hướng của Nhà nước.

6. Tuyên truyền, phát động công tác chuyển đổi các loại hình canh tác sâu rộng trong các cấp chính quyền, đoàn thể địa phương vì lợi ích lâu dài bền vững về kinh tế - xã hội các tộc người.

Các tộc người ở nước ta đều có truyền thống tương trợ giúp đỡ lẫn nhau. Cần khơi dậy, phát huy truyền thống tốt đẹp này trong công cuộc chuyển đổi loại hình sản xuất nương rẫy làm cho miền núi đẹp hơn, bền vững hơn và cuối cùng là đem lại đời sống tốt đẹp hơn.

Đến nay, đại đa số các dân tộc sống trên rẻo cao của vùng cao – nơi khan hiếm nguồn nước – sinh kế chủ yếu của đồng bào vẫn nhờ vào những loại hình canh tác khác nhau của nương rẫy. Do vậy, vấn đề nương rẫy và kèm theo đó là đời sống người dân đang còn gặp nhiều khó khăn dồn tụ về rẻo cao của vùng cao. Những hộ nông dân nghèo, những hộ gia đình đông con, những hộ gặp rủi ro, những hộ di cư tự do và những hộ xưa nay không có ruộng nước thì sinh kế chủ yếu vẫn là canh tác trên các loại nương rẫy khác nhau. Công tác xoá đói giảm nghèo, chuyển đổi các loại hình canh tác, trợ giúp đất sản xuất cần lấy những hộ nông dân này làm mục tiêu. Chính sách định canh định cư, phát triển bền vững cần nhằm vào các hộ nông dân nói trên để giúp người dân chuyển đổi loại hình canh tác, phát triển đa dạng các loại hình canh tác theo hướng bền vững là một trong những vấn đề cơ bản của công tác định canh định cư.